TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2025/HNGĐ-ST
Ngày : 27-10-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Quyên**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Hồng**
Ông **Lâm Văn Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long không tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Tú T**, sinh ngày: 25/7/1996 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Trịnh Hoàng P**, sinh ngày: 12/7/1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Võ Thị Tú T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2025 chị Võ Thị Tú T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Hoàng P do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long). Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị và anh P đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Hoàng P.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Võ Ngọc H, sinh ngày 20/7/2016, hiện đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được

nuôi dưỡng cháu H, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đối với bị đơn anh Trịnh Hoàng P:*** Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc, tham gia phiên họp tiếp cận việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vắng mặt, không nêu ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Võ Thị Tú T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long giải quyết việc ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị T và bị đơn anh Trịnh Hoàng P, anh P có nơi cư trú tại ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long.

Nguyên đơn chị T có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh P vắng mặt, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh P hôn nhân hình thành do quen biết, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 16/3/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo chị T trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T và anh P đã không còn sống chung với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy chị T và anh P đã không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị T và xử cho chị T được ly hôn anh P là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Võ Ngọc H, sinh ngày

20/7/2016, hiện nay cháu H đang sống chung với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh P không còn chung sống với nhau cho đến nay thì cháu H sống chung với chị T và tại bản khai ý kiến ngày 05/8/2025 của cháu Trịnh Võ Ngọc H thì cháu H có nguyện vọng sống với chị H. Như vậy, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu H và nguyện vọng của cháu H do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T nên giao cháu H cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con, vì chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh P vắng mặt không có ý kiến.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh P vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 202; Điều 9, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Tú T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị Tú T được ly hôn với anh Trịnh Hoàng P.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Võ Ngọc H, sinh ngày 20/7/2016 cho chị Võ Thị Tú T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trịnh Hoàng P không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị Võ Thị Tú T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Trịnh Hoàng P vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Võ Thị Tú T không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Trịnh Hoàng P vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Tú T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001466 ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị Võ Thị Tú T đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Hiếu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ngô Thị Quyên